

PHỤ LỤC II

(Ban hành kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ)

Biểu số 3

Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
DỊCH VỤ CÔNG ÍCH HUYỆN BÌNH CHÁNH**
MSDN: 0301897104

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Chánh, ngày 21 tháng 6 năm 2021

Số: 383 /DVCI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

I. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm so với kế hoạch đối với các chỉ tiêu theo Bảng số 1:

- Sản phẩm sản xuất chủ yếu là sản phẩm dịch vụ công ích
- Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 đạt 100,14% so với kế hoạch, giảm 8,92% so với thực hiện năm 2019. Doanh thu thực hiện năm 2020 giảm do doanh thu khối xây dựng cơ bản giảm 27,3%. Trong năm 2020, căn cứ quyết định duyệt quyết toán số 1727/QĐ-UBND ngày 25/03/2020 và số 2228/QĐ-UBND ngày 03/04/2020 công ty điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động thu gom vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tháng 01,02/2019 số tiền 279 triệu đồng và công tác vận hành trạm ép rác kín trên địa bàn huyện Bình Chánh tháng 01,02/2019 số tiền 5 triệu đồng. Căn cứ quyết định số 3536/QĐ-UBND ngày 11/05/2020, công ty điều chỉnh tăng doanh thu hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện Bình Chánh năm 2018 số tiền 4.461 triệu đồng, căn cứ quyết định số 3551/QĐ-UBND ngày 13/05/2020 công ty điều chỉnh giảm doanh thu hoạt động vận hành trạm ép rác kín trên địa bàn huyện Bình Chánh năm 2018 số tiền 34 triệu đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế của doanh nghiệp đạt 141,71% kế hoạch, giảm 18,34% so với thực hiện năm 2019.
- Doanh nghiệp có số phát sinh phải nộp ngân sách năm 2020 đạt 98,92% so với kế hoạch năm và giảm 26,26% so với năm 2019. Nguyên nhân giảm: tương ứng doanh thu, lợi nhuận.
- Doanh nghiệp hoàn thành tương đối so với kế hoạch về sản lượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích, đảm bảo chất lượng theo quy định, cụ thể:

+ Hoạt động vận chuyển rác: Khối lượng thực hiện là 3.507.681 (T-Km), tương đương 45.500 triệu đồng, đạt 95,05% kế hoạch, tăng 9,14% so với cùng kỳ năm 2019.

+ Hoạt động quét, thu gom rác: Khối lượng thực hiện là 200.086.554 (m² qui ước), tương đương 26.471 triệu đồng, đạt 103,12% kế hoạch, tăng 0,72% so với cùng kỳ năm 2019.

2. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

a. Thuận lợi:

- Sự chỉ đạo kịp thời của Ủy ban nhân dân Thành phố, Huyện Ủy, Ủy ban nhân dân huyện Bình Chánh;
- Sự hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty của các Sở ngành cấp Thành phố, các cơ quan ban ngành hữu quan cấp Huyện, các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Bình Chánh;

- Sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Đảng bộ, Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc Công ty;

- Tinh thần đoàn kết cùng nỗ lực phấn đấu vượt khó, của toàn thể CB-CNV.

b. Khó khăn:

- Chi phí quản lý vận hành khu tái định cư 30ha, Vĩnh Lộc B, huyện Bình Chánh từ năm 2015 đến năm 2020 chưa được quyết toán. Tổng chi phí quản lý vận hành giai đoạn 2015 – 4/2021 là 33.570.376.560 đồng. Công ty đã được ngân sách tạm ứng kinh phí phục vụ hoạt động quản lý vận hành năm 2015 – 2018 là 20.000.000.000 đồng. Số tiền chênh lệch 13.570.376.560 đồng (33.570.376.560 đồng -20.000.000.000 đồng), Công ty đã tạm ứng từ nguồn kinh phí hoạt động sản xuất kinh doanh để chi trả cho công tác quản lý vận hành từ 2015-4/2021. Hiện nay Sở Tài chính và Sở Xây dựng vẫn chưa thống nhất trong việc trình Ủy ban nhân dân Thành phố chấp thuận duyệt quyết toán kinh phí này cho Công ty và không thống nhất tiếp tục cho Công ty tạm ứng kinh phí thực hiện công tác quản lý vận hành từ năm 2019-2021.

- Công ty chưa được cấp tiền thuế GTGT đối với nguồn kinh phí ngân sách cấp cho công tác quản lý vận hành khu tái định cư 30 ha Vĩnh Lộc B giai đoạn 2011 – 2014, số tiền 1.417.453.028 đồng.

- Công ty đã có tờ trình số 09/TTr-DVCI-QLN ngày 05/02/2020 về dự toán chi phí quản lý nền đất tái định cư trên địa bàn huyện Bình Chánh năm 2020 với giá trị dự toán là 148.627.568 đồng. Ngày 15/6/2021 UBND huyện Bình Chánh đã có Quyết định số 4843/QĐ-UBND về bổ sung kinh phí quản lý nền đất tái định cư năm 2020 cho công ty, theo đó kinh phí được cấp là 76.089.708 đồng.

- Đơn giá chính thức công tác vận hành trạm ép rác kín năm 2015 đến năm 2017 chưa được ban hành.

- Công ty có ký hợp đồng số 219/2015/HĐ-XD ngày 07/10/2015 với Phòng Tài nguyên môi trường huyện Bình Chánh, công trình vớt rác, cò, lục bình các tuyến kênh rạch trên địa bàn huyện Bình Chánh số tiền 670.604.000 đồng (đã bao gồm VAT). Hiện nay khoản kinh phí mà ngân sách còn phải thanh toán cho công ty là 67.060.400 đồng.

- Công nợ hoạt động cưỡng chế (tính đến 31/12/2020): Công nợ phải thu của các xã đối với những hợp đồng đã thực hiện là 1.828.279.000 đồng.

- Công nợ nhà sở hữu nhà nước:

+ Số còn phải thu đến 31/12/2020 là 96.074.424 đồng. Công ty đã mời các hộ dân đến làm việc nhiều lần để ký hợp đồng thuê nhà và thanh toán tiền thuê nhà nhưng đến nay vẫn chưa thu hồi được khoản nợ này. Trong tháng 5/2021 khoản nợ này giảm còn 68.236.836 đồng.

+ Khoản phải nộp ngân sách từ việc thu tiền cho thuê nhà sở hữu nhà nước của hộ ông Nguyễn Văn Hiền số tiền 220.416.900 đồng. Đến nay vụ kiện vẫn chưa giải quyết xong, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đang thụ lý hồ sơ. Trong thời gian chờ phán quyết của Tòa án, công ty đã có văn bản số 728/DVCI ngày 10/7/2020, 268/DVCI ngày 13/5/2021 gửi Sở Tài chính về việc nộp tiền thuê nhà sở hữu nhà nước ông Nguyễn Văn Hiền.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Giá trị thực hiện
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			

a)	Vận chuyển rác	Tấn-Km	3.690.447	3.507.681
b)	Quét, thu gom rác	m2 quy ước	194.038.948	200.086.554
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	114.902	115.065
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	5.226	7.406
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	4.181	6.325
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	7.223	7.145
6	Kim ngạch xuất nhập khẩu (nếu có)	Tỷ đồng		
7	Sản phẩm dịch vụ công ích			
a)	Vận chuyển rác	Tấn-Km	3.690.447	3.507.681
b)	Quét, thu gom rác	m2 quy ước	194.038.948	200.086.554
8	Tổng số lao động	Người	309	281
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	28,234	37,88
a)	Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	1,493	1,689
b)	Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	26,741	36,191

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN: không có

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên (theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công); tiến độ thực hiện; những khó khăn, vướng mắc trong trường hợp dự án không đảm bảo tiến độ đã được phê duyệt.

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP: không có

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
	Dự án quan trọng quốc gia						
	Dự án nhóm A						
	Dự án nhóm B						

2. Các khoản đầu tư tài chính.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON: không có

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% vốn điều lệ, tình hình đầu tư của doanh nghiệp vào các công ty này, tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty này theo Bảng số 3.

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI: không có

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
1	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ 100% vốn điều lệ									
1.1	Công ty A									
1.2	Công ty B									
2	Các công ty con do công ty mẹ nắm giữ trên 50% vốn điều lệ									
2.1	Công ty C									
2.2	Công ty D									

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch-Đầu tư;
- UBND TPHCM;
- UBND HBC;
- KSV;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Duy Tấn